TAND HUYỆN LG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày 12-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84a/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T3, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.
-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1983 (vắng mặt)
-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Đoàn Minh TR, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ HKTT: Thôn 9 (TD), xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà và bà Nguyễn Thị Thuỷ, ông Đoàn Minh TR là hàng xóm với nhau. Ngày 15/6/2020, bà Thuỷ, ông TR có đến nhà bà vay số tiền là **80.000.000 đồng với mục đích là mua tôn để bắn mái tôn, nguồn tiền cho vay này là tiền của cá

nhân của bà. Khi cho vay, bà Thuỷ là người viết giấy vay tiền, bà cùng vợ chồng bà Thuỷ, ông TR có mặt và cùng ký tên vào giấy vay tiền. Hai bên chỉ thoả thuận về lãi suất vay bằng miệng, mỗi tháng là 800.000 đồng tưng ứng 1%/ tháng. Thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 15/6/2020 đến ngày 15/9/2020). Đến thời hạn thanh toán bà Thuỷ, ông TR đã trả cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 50.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi trả xong, cùng ngày 15/9/2020 bà TH ông TR hỏi vay thêm bà tổng số tiền 50.000.000 đồng để làm thủ tục đảo sổ ngân hàng và hẹn bà đến cuối năm 2020 thanh toán cho bà 30.000.000 đồng, hẹn cuối tháng 2/2021 sẽ trả tiếp 20.000.000 đồng, cuối tháng 3/2021 trả nốt số tiền còn lại. Tổng hai lần vay số tiền gốc là **100.000.000** đồng. Đến hạn thanh toán nợ như thỏa thuận miệng giữa hai bên, bà đã gọi điện đòi tiền nhiều lần nhưng bà Thuỷ, ông TR khất lần không trả tiền cho bà. Nay, bà đề nghị Toà án nhân dân huyện LG giải quyết buộc vợ chồng bà Thuỷ, ông TR cùng có nghĩa vụ liên đới phải trả bà **100.000.000** đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử mức lãi suất 1%/ tháng. Tổng số tiền cả gốc và lãi vợ chồng bà Thuỷ, ông TR phải trả cho bà là **120.366.600** đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D có đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên và xin xét xử vắng mặt.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh TR* được Tòa án đăng thông báo tống đạt cho người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh TR không đến Tòa án làm việc từ chối khai báo.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh TR vắng mặt lần hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh TR không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR phải trả có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc là **100.000.000** đồng. Tiền lãi là **20.366.600** đồng. Tổng cộng là **120.366.600** đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Ngày 28/4/2022, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị D với bà Nguyễn Thị TH là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị TH và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh TR đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do bà Nguyễn Thị D cung cấp thì thấy ngày 15/6/2020 bà Nguyễn Thị D có cho bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR vay số tiền là 80.000.000 đồng, khi cho vay có viết giấy tờ biên nhận thời hạn thanh toán hẹn sau 03 tháng đến ngày 15/6/2020 trả tiền gốc và lãi, đến hạn bà TH, ông TR đã trả bà D được 30.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại tiền gốc là 50.000.000 đồng. Cùng ngày 15/9/2020 bà Nguyễn Thị D có cho bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR vay tiếp tổng số tiền là 50.000.000 đồng để đảo sổ ngân hàng. Tổng cộng hai lần vay là 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 15/6/2020 và ngày 15/9/2022 bà Nguyễn

Thị D và bà Nguyễn Thị TH, ông Đoàn Minh TR đã xác lập hợp đồng vay tài sản tổng số tiền gốc hai lần vay là 100.000.000 đồng. Giao dịch dân sự giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự bà D cũng như ông TR, bà TH đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ khi vay tiền phía bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận giữa hai bên chưa trả cho gia đình bà Nguyễn Thị D đồng nào tiền gốc và lãi. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà TH, ông TR cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà D tổng số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của bà Nguyễn Thị D là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

**Về yêu cầu tính tiền lãi:* HĐXX xét thấy, bà Nguyễn Thị D yêu cầu bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR cùng có nghĩa vụ liên đới phải trả tiền lãi kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử mức lãi suất là 1%/ tháng thời gian là 01 năm 08 tháng 11 ngày số tiền lãi là 20.366.600 đồng. HĐXX xét thấy phía bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận, việc bà D yêu cầu tính lãi mức 1%/tháng kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]Về trách nhiệm trả tiền: Qúa trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng bà TH, ông TR phải có trách nhiệm liên đới trả tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy vay tiền ghi tên người vay là bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR. Khoản vay nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà TH, ông TR do vậy cần buộc bà TH và ông TR cùng có nghĩa vụ liên đới trả các khoản nợ này cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] *Về chi phí đăng thông báo tống đạt cho người vắng mặt tại nơi cư trú:* Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Tòa án đăng thông báo tống đạt cho người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR, Tòa án đã ban hành Quyết định thông báo tống đạt cho người vắng mặt tại nơi cư trú và đăng trên báo Công lý của Tòa án nhân dân tối cao, cổng thông tin điện tử của Tòa án, và phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03

ngày liên tiếp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ Luật tố tụng dân sự toàn bộ số chi phí này bà Nguyễn Thị D phải chịu. Tòa án đã tạm thu và thanh toán với bà Nguyễn Thị D xong, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR phải chịu 6.018.300 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR có nghĩa vụ liên đới phải trả bà Nguyễn Thị D số tiền nợ gốc là **100.000.000** đồng, tiền lãi là **20.366.600** đồng. Tổng cộng là **120.366.600** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Buộc bà Nguyễn Thị TH và ông Đoàn Minh TR phải chịu **6.018.300** đồng tiền án phí dân sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong TR hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Hoa